**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH KHOA CHÚ**

***Hòa Thượng Thượng Tịnh Hạ Không chủ giảng***

***Năm 2014***

#

# **TẬP 61**

*Chư vị pháp sư*, *chư vị đồng học*, *xin mời ngồi*.

Mời mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

“***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật Đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật Đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật Đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***”.

Mời xem “**Đại Kinh Khoa Chú**” trang 272, hàng thứ nhất; khoa đề, đoạn thứ hai, văn “Thành tựu”, trong kinh văn có hai chữ “Ngã văn”. Chúng ta xem chú giải của Niệm lão: “**Ngã văn là văn thành tựu**”; văn “Thành tựu” trong cái mục này: “**Lúc A Nan kết tập kinh Pháp Tạng**, **tự nói**: **Như thị pháp môn**, **ngã tùng Phật văn**”. “Ngã” là “Tự ngã”, đây là lời A Nan tự xưng; “**Văn là đích thân nghe**” chứ không phải lời truyền tai nhau; mà là do đích thân “Tôi” nghe được từ đức Phật, “**Đem điều ấy bảo với đại chúng thì thật đủ để chứng tín**”. Mấy câu này đủ khiến chotoàn thể đại chúng tham gia trong quá trình kết tập kinh tạng, sanh khởi lòng tin đối với những gì mà A Nan nói ra, không có lòng nghi. Đây là mọi người mời A Nan đến để phục giảng lại lời của đức Phật. A Nan có thể chứng minh với đại chúng, mà mọi người cũng có thể làm chứng cho A Nan.

Chúng ta xem tiếp kinh văn có nói: “**Thánh nhân vô ngã**; **sao A Nan lại tự xưng là ngã**; **vì chẳng hoại giả danh vậy**?”. Bậc Tiểu thánh nhỏ nhất thuộc vào Sơ quả, A Nan vẫn chưa chứng được quả vị A La Hán. Nên Ngài chỉ thuộc vào Tiểu thánh Tiểu Thừa, nhưng Sơ quả Tu Đà Hoàn đã phá được thân kiến. Hiện giờ chúng ta đang ở thời kỳ Mạt pháp, mọi người đều chấp cái thân này là ta; chẳng có ai phá được thân kiến, biên kiến cũng phá chưa được. Biên kiến là sự đối lập giữa ta với người với việc và vật, đó là thuộc về biên kiến.

Tiểu Thừa Sơ quả Tu Đà Hoàn đã đoạn được năm loại kiến hoặc: Thứ nhất là họ không còn chấp cái thân này là ta. Thứ hai, không còn đối lập với mọi người, mọi việc, mọi vật, hết rồi! Thứ ba, không còn thành kiến, thế nào là thành kiến? Nghĩa là luôn cho mình là đúng, người Trung Quốc hay nói đó là thành kiến. Còn trong Kinh giáo thì bảo đó là kiến thủ; kiến với giới thủ kiến, giới thủ kiến là thành kiến của ta đối với hết thảyngười, việc và vật, xét trên mặt “Nhân”. Còn kiến thủ, kiến là thành kiến với tất cả người, việc, vật, xét trên mặt “Quả”.

Họ luôn tự cho mình là đúng, thực chất đó không phải sự thật. Ngoài bốn loại này ra, còn một loại khác là nhìn nhận mọi thứ một cách sai lầm. Những thứ này đều được xếp vào “Tà kiến”, chúng ta không hiểu được chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Toàn bộ đều nhìn sai cả rồi! Có thể thừa nhận bản thân mình đã nhìn sai. Những người này đều là người có thiện căn, đều được độ. Cũng tức là những người này có thể tiếp nhận giáo huấn của Phật Đà. Nếu như năm loại kiến hoặc này quá kiên cố, không dễ gì bỏ được, vậy thì dẫu bạn học Phật cả đời cũng không thể nào bước vào cửa được. Đó là những người nào vậy? Nhiều lắm, bởi vậy mới gọi là Mạt pháp.

Trong Phật Pháp, nói đến chứng quả thì mức độ thấp nhất. Bạn phải chứng được quả vị Tiểu quả Tiểu Thừa, Tiểu quả này chính là Tu Đà Hoàn thật sự bỏ được năm loại kiến hoặc, đó là: *Thân kiến*, *biên kiến*, *kiến thủ*, *giới thủ và tà kiến*. Phật nói với chúng ta sáu loại thần thông, là thứ vốn sẵn có trong tự tánh của chúng ta, chứ không phải đến từ bên ngoài. Bởi vì chúng ta có khởi tâm động niệm, có phân biệt chấp trước nên không cách gì thấy được sáu loại thần thông này. Do nó bị kiến tư phiền não chướng ngại mất rồi!

Hiện nay, Tiểu Thừa thì tư phiền não chưa đoạn, còn kiến phiền não thì đoạn được rồi; Tu Đà Hoàn đoạn được tư phiền não. Có hai thứ trong bản năng đã được hồi phục trở lại, đó là “Thiên nhãn” và “Thiên nhĩ”. Những thứ mà người khác không thấy được, nhưng bạn có thể thấy. Bạn có thể nhìn thấy Phật, Bồ Tát, nhìn thấy được người trời, có thể thấy được quỷ thần. Thiên nhĩ thông xuất hiện rồi, âm thanh mà người khác không nghe thấy, nhưng bạn có thể nghe được. Bạn có thể nghe được âm thanh nơi sáu nẻo, tất cả âm thanh của chúng sanh. Chư Thiên đang nói chuyện, quỷ thần đang nói chuyện, hay Súc sanh đang nói chuyện, bạn đều nghe thấy hết. Công phu hướng lên cao hơn nữa thì đoạn được tư hoặc; tức là những cách nghĩ sai lầm phải buông xuống, bạn chứng được Nhị quả, Nhị quả có thiên nhĩ, thiên nhãn. Thêm hai thứ nữa là “Tha tâm” và “Túc mạng thông”. “Tha tâm” nghĩa là trong tâm người khác nghĩ cái gì, bạn đều biết; “Túc mạng thông” thì biết được chuyện trong đời quá khứ: một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, thậm chí là mấy chục đời bạn cũng biết. Túc mạng thông của A La Hán, có thể biết được 500 đời quá khứ.

Chúng ta biết rằng, Nhị quả, Tam quả có thể biết mấy chục đời, thậm chí là hơn một trăm đời. Những sự tướng này đều hiển thị ra hết. Theo công phu tu chứng của bạn, Thánh nhân Tam quả, A Na Hàm thì thần túc thông xuất hiện. Thế thì tiện lợi rồi, vì đi xa không cần đến phương tiện giao thông; trong tâm nghĩ đến nơi nào, thì bạn đã ở nơi đó rồi. Thần túc thông có thể biến hóa, có thể phân thân. Có được cái khả năng này, chứng đắc Tứ quả A La Hán, kiến tư phiền não thảy đều đoạn dứt. Đến lúc này mới thật sự là “Chánh tri chánh kiến”.

 Cách nhìn của họ không hề sai lầm, cách nghĩ của họ cũng không sai lệch, có thể tin được! Họ tương ưng với tự tánh, nhưng vẫn chưa kiến tánh. A La Hán chưa kiến tánh, nhưng những phiền não làm chướng ngại tự tánh thì họ buông bỏ hết rồi. Cho nên tự tánh cũng hé lộ được một chút ánh sáng. Tương ưng với tự tánh thì được xưng là Chánh Giác, A La Hán xưng là Chánh Giác. Bích Chi Phật cũng là Chánh Giác; hướng lên cao hơn nữa là Bồ Tát, Bồ Tát gọi là Chánh Đẳng Chánh Giác. “Chánh” nghĩa là tuyệt đối không có sai lầm, “Chánh tri chánh kiến”. “Đẳng” là tương đương với đức Phật, ngang hàng với Phật, nhưng họ tuyệt chưa chứng đắc quả Phật. Chưa chứng được, cũng tức là nói tư tưởng, kiến giải của họ ngày càng gần với Phật.

Tất cả kinh điển do Phật thuyết, các ngài đều hiểu được ý nghĩa trong đó. Sẽ không hiểu sai ý nghĩa của nó, đây là A La Hán. A La Hán mới được xem là đệ tử Phật chân chính, Phật phải dạy dỗ họ một cách chu đáo. Trước kia A La Hán đều phải vun bồi thiện căn, vun bồi phước đức. Không thể dùng một chút thiện căn, phước đức, nhân duyên, mà sanh về được Thế Giới Cực Lạc, được nghe Chánh pháp của Như Lai. Nhất định phải đầy đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên. Bạn có thể nghe được lợi ích của Phật Pháp, có thể lý giải được mấy phần, có thể nhận được mấy phần lợi ích. Toàn phải xem nơi bạn buông bỏ được bao nhiêu tập khí phiền não, vì sao? Vì “**Tất cả chúng sanh đều có trí huệ**, **đức tướng Như Lai**”, chẳng khác biệt gì so với Phật. Chính bởi vì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chướng ngại mất tánh đức của chúng ta, khiến cho trí huệ với đức tướng của chúng ta không thể hiện tiền được; trở thành mười Pháp giới, thành sáu nẻo, biến thành cái tướng này. Chúng ta ngay chỗ này đã nhận được, coi như hết thảy pháp đều đã nói rạch ròi hết rồi.

Buông xả liền chứng được, chấp trước thì ai chịu thiệt vậy? Mình chịu thiệt. Chẳng liên can gì đến người khác, tự mình phải chịu thiệt thòi lớn. Mê càng lúc càng sâu, thì chướng ngại càng lúc càng nghiêm trọng. Phật giáo dạy chúng ta, đầu tiên từ chỗ nào mà buông bỏ nghiệp chướng này? Buông xả những điều bất thiện. Bất thiện, tương ứng với mười nghiệp ác chính là bất thiện. Để lại thiện, còn bất thiện thì phải buông bỏ. Đây là pháp dùng để giáo huấn con người và chư Thiên, nhưng không ra nổi sáu nẻo luân hồi. Bạn bỏ hết những điều bất thiện, chỉ toàn tu thiện thì bạn ở ba đường thiện trong sáu nẻo, không bị đọa vào ba đường ác. Đây là bước đầu tiên khi Phật độ chúng sanh, mong cho bạn giữ được thân người, đời sau đừng bị đọa vào Tam đồ. Tiến thêm một bước, là giúp bạn nâng lên cao.

Nói với bạn, thiện cũng phải nên buông bỏ, vì sao? Thiện tuy là ở ba đường thiện, nhưng vẫn chưa siêu việt sáu nẻo luân hồi. Nếu muốn vượt khỏi sáu nẻo luân hồi, thì thiện cũng phải buông bỏ. Vậy có cần làm thiện không? Cần!Tu thiện nhưng không chấp cái tướng tu thiện, đây mới gọi là công đức. Tu thiện vẫn chấp cái tướng tu thiện, thì đó là phước đức, quả báo sẽ ở ba đường thiện. Nếu như là công đức, quả báo chính là siêu việt sáu nẻo luân hồi, lợi ích này rất lớn. Ra khỏi sáu nẻo luân hồi thì đi đến nơi nào?Vừa ra khỏi sáu nẻo, chính là đến Thanh Văn Pháp giới trong mười Pháp giới. A La Hán đều đã siêu việt sáu nẻo luân hồi. Có bản lĩnh vượt thoát sáu nẻo luân hồi, thì ở cùng một cảnh giới với A La Hán, cho nên bạn cũng trở thành A La Hán. Nếu người đó chưa học Phật thì sao? Chưa học Phật thì gọi là “Độc giác”.

Trong Duyên Giác có hai loại:Một loại là tu mười hai nhân duyên mà chứng được, một loại là buông xả kiến tư phiền não. Họ chưa hề học Phật, họ ở cùng cảnh giới với A La Hán. A La Hán đoạn được kiến tư phiền não, họ cũng đoạn được kiến tư phiền não. Thoát khỏi sáu nẻo luân hồi, họ là người của Thanh Văn thừa. Phật, Bồ Tát đều ở trong Tứ Thánh Pháp giới giáo hóa chúng sanh, giảng kinh dạy học. Đến nơi đó mà nghe Pháp, sẽ không có bất kỳ khó khăn nào, không có nghiệp chướng. Những sự lý này, trong kinh Phật nói rất nhiều, rất rõ ràng. Chúng ta xem rồi, nghe rồi, minh bạch rồi, sẽ có sự trợ giúp rất lớn đối với sự tu hành của bản thân.

Khi tôi gặp mặt Chương Gia đại sư, lúc đó vừa mới nghe được Phật Pháp không lâu. Do tiên sinh Phương Đông Mỹ giảng cho tôibài học về triết học kinh Phật, cứ một tuần học hai bài, đại khái cũng chỉ khoảng mười bài. Chưa đến mười bài, cỡ năm, sáu bài; khoảng hơn một tháng, cỡ một tháng rưỡi, tôi liền hiểu được năm, sáu bài học này;tôi đã rõ cả rồi. Cũng vào lúc đó, tôi quen biết với Chương Gia đại sư. Tôi cùng Ngài gặp mặt, câu hỏi đầu tiên tôi đưa ra chính là:

**-** “*Con nghe được những bài học của lão sư Phương, con đã hiểu và biết rõ về Phật Pháp. Con biết rằng Phật Pháp là đại học vấn, cũng giống như lão sư Phương đã nói: Đại Thừa là triết học đỉnh cao của toàn thế giới. Vấn đề của con là, trong Phật Pháp liệu có cách nào để con rất nhanh có thể khế nhập vào không?*”

Tôi đưa ra vấn đề như vậy, đại sư Chương Gia nhìn tôi, tôi cũng nhìn Ngài. Chúng tôi nhìn nhau hơn nửa giờ đồng hồ, nhưng chẳng nói câu nào. Nhiều năm sau đó, tôi mới hốt nhiên thể hội được, thể hội được cái gì?Do chúng tôi còn trẻ, tâm khí bao chao. Nêu lên vấn đề khá hay, không có hỏi sai, nhưng dẫu có nói cho tôi, tôi cũng không hiểu. Tôi cũng sẽ không có được thọ dụng, gọi là: “Gió thổi ngoài tai”. Trong hơn nửa tiếng đồng hồ này, là để tâm tình còn lên xuống của tôi hoàn toàn được bình ổn trở lại. Tâm khí bao chao, thì cái gì cũng nghe không hiểu. Nhất định phải để cái tâm còn xốc nổi này bình lặng lại, để tâm định lại. Vì vậy suốt nữa tiếng đồng hồ đó, là đại sư đang giúp tôi nhập định, để tinh thần của tôi được chuyên chú.

Tôi đợi Ngài khai thị. Hơn nửa tiếng đồng hồ, Ngài chỉ nói ra được một chữ “*Có*”. Tinh thần tôi phút chốc bỗng hưng phấn trở lại, thì ra vấn đề của tôi là có đáp án, chứ không phải không có. Trong Phật môn, quả thật có cáchgiúp chúng ta rất nhanh có thể khế nhập, cái này khó được. Tôi nghe nói “*Có*”, bỗng rất vui, tinh thần phấn chấn hẳn lên. Như thế thì không được, tính khí xốc nổi lại phát ra rồi, lão sư bèn không nói nữa. Đợi khoảng bảy-tám phút, tâm của tôi mới định xuống, Ngài bèn nói ra sáu chữ: “***Nhìn cho thấu***, ***buông cho xuống***”.

“Nhìn thấu” giúp bạn buông xuống, “buông xuống” giúp bạn nhìn thấu. Phương pháp chỉ đơn giản như vậy thôi. Từ “Sơ phát tâm” cho đến “Quả địa Như Lai”, đều dùng phương pháp này hỗ trợ nhau mà thành. Chương Gia đại sư có trí huệ, điều này về sau tôi đã hiểu ra. Trong thiện xảo phương tiện, phương pháp này chính là “Chỉ, Quán” mà Đại Thừa nói đến. “Chỉ” là dừng lại,“Chỉ” chính là buông xả; “Quán” chính là nhìn thấu. Ngài dùng lời đơn giản như vậy để nói với tôi, không hề nói đến “Chỉ, Quán”. Nếu nói “Chỉ, Quán” sẽ làm cho tôi mù mờ mất, tôi nghe không hiểu thì sẽ không có hứng thú, lần sau sẽ không đến nữa. Ngài dùng “Nhìn thấu, buông xả”, tôi nghe qua sẽ vừa hiểu vừa không hiểu, vừa hiểu vừa không hiểu, người ta sẽ có hứng thú. Thế là tôi liền thỉnh giáo vấn đề thứ hai, vậy phải buông xả từ chỗ nào? Ngài nói với tôi từ “Bố thí”, bố thí chính là buông xả, đây là điều đầu tiên trong Lục Độ Bồ Tát.

Bố thí có ba loại lớn: Tài bố thí, pháp bố thí và vô úy bố thí. “Thí” tức là “Xả”, chính là “Buông xả”, bố thí một cách bình đẳng, bố thí vô điều kiện. Đối với người bình thường mà nói là điều không dễ,những thứ mình thích mà người khác cần, làm sao dám đưa cho họ chứ? Trước kia, những thứ tôi yêu thích không những không cho người khác, mà người ta muốn mượn của tôi cũng không được. Tôi không cho người ta mượn, cố chấp đến như vậy. Lão nhân dạy tôi, phải thường có cái “***Tâm bố thí***”. Gặp được duyên bố thí, phải tùy phận tùy sức mà làm. Tài bố thí thì được tài phú; pháp bố thí được thông minh trí huệ; vô úy bố thí được khỏe mạnh trường thọ. Do tu mà có, Phật, Bồ Tát gia trì nhưng bản thân mình cũng phải tu. Tự mình không tu thì sẽ không có được, phải nỗ lực học tập.

Học bố thí, học trì giới, học nhẫn nhục, học tinh tấn, học Thiền định và học trí huệ, đại sư giảng bài cho tôi. Không có kinh sách, không có tài liệu tham khảo, cái gì cũng không có, chỉ là nói chuyện. Cứ mỗi tuần gặp nhau một lần, nghe giáo huấn của Ngài, từ một tiếng đến hai tiếng đồng hồ. Khoảng thời gian mà Ngài dành cho tôi, vô cùng hữu ích. Khiến tôi nhớ đến Thích Ca Mâu Ni Phật, năm đó lúc còn tại thế, giáo hóa chúng sanh chính là kiểu nói chuyện thế này. Không gò bó vào hình thức, ứng cơ thuyết Pháp, xem thành ý của bạn thế nào, xem tín tâm của bạn ra sao. Bạn có thể lý giải được sâu bao nhiêu, thì nói cho bạn sâu bấy nhiêu. Nguyện vọng của bạn lớn bao nhiêu, thì nói với bạn lớn bấy nhiêu. Tâm lượng nhỏ, dẫu có nói lớn cũng chẳng ích gì, không thể tiếp nhận được. Tâm lượng hạn hẹp không thể nói sâu, vậy thì đành phải từng lần từng lần mà từ từ nâng lên thôi. Tôi theo Ngài Chương Gia ba năm như một ngày, nền tảng học Phật cứ như thế mà được đặt định. Điều quan trọng nhất chính là nghe hiểu rồi thì phải thật làm, không làm coi như không.

**“Hiếu kính**” phải xếp lên trước tiên. Không có tâm hiếu thuận, không có lòng cung kính, thì chẳng đạt được thứ gì. Thật sự có hiếu kính, có cung kính. Thiện tri thức gặp được bạn, nhất định sẽ không để bạn luống qua, họ sẽ dạy cho bạn, vì sao? Vì bạn có thể tiếp nhận. Không có hiếu lẫn kính, bạn không thể học được. Không thể tiếp nhận thì tùy duyên vậy, coi như trồng cho bạn một chút thiện căn, biết bạn rất khó thành tựu.

 Đây thật sự là “**Trong cửa Phật**, **chẳng bỏ một người**”, sẽ giúp bạn trồng thiện căn “**Thánh nhân vô ngã**”, Tu Đà Hoàn coi như vô ngã rồi. Nửa phần đầu của kinh Kim Cang có nói: “**Vô ngã tướng**, **vô nhân tướng**, **vô chúng sanh tướng**, **vô thọ giả tướng**”, là sở chứng đắc của Thánh nhân Tiểu Thừa. Từ Sơ quả đến Tứ quả, cứ từng tầng một mà thâm nhập, từng tầng một mà phát triển thêm. Càng hướng lên cao thì tâm lượng càng lớn, càng hướng lên cao thì sức lý giải càng mạnh. Đến A La Hán, A La Hán là người vừa mới phát Tâm Bồ Đề, tức là từ nhỏ hướng đến lớn. Thánh nhân tuy chứng được vô ngã, nhưng lúc nói chuyện với đại chúng, lúc cùng mọi người giao lưu vẫn xưng là “Tôi”. Như thế người khác sẽ hiểu được, nếu như không xưng tôi, người ta sẽ không hiểu. Đây gọi là hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Hoàn toàn vẫn phải dùng đến tri kiến của phàm phu, bạn mới có thể giao tiếp qua lại với họ. Nếu không như thế, bạn không thể độ hóa chúng sanh.

Cho nên **“Chẳng hoại giải danh vậy**”; giả danh, giả tướng đều không phá hoại, đều có thể tùy thuận. Tuy là tùy thuận, nhưng không để trong tâm, không có chướng ngại. Để trong tâm liền bị ô nhiễm, để trong tâm, tâm sẽ động ngay. Vì thế, quyết định không được để trong tâm. Đây mới chân thật là “Không hoại giả danh, không hoại giả tướng”.

“**Thật tướng**, **vô tướng nên chẳng giống như phàm phu có ngã**. **Thật tướng chẳng phải là bất tướng**, **nên chẳng giống vô ngã của Nhị Thừa**”. Phàm phu có ngã là do chấp ngay nơi tướng, cho rằng cái thân này là mình, không biết đó là giả mà thôi. Người Nhị Thừa có chấp trước, nhưng họ biết cái thân này không phải ta. Chấp cái thân này không phải ta, gọi là “Vô ngã”. Phàm phu thuộc vào “Ngã chấp”, còn Nhị Thừa thì thuộc vào “Pháp chấp”. Cái chấp của phàm phu tương đối thô, còn cái chấp của Nhị Thừa tương đối vi tế hơn.

 Do vậy, nên đều không thể kiến tánh. Tuy rằng siêu việt được sáu nẻo luân hồi, nhưng lại không ra khỏi mười Pháp giới. Đây chính là có “Pháp chấp”, “Pháp chấp” buông bỏ rồi, không còn chấp trước nữa. Hết thảy pháp đều là giả, không phải thật, gọi là Pháp Phương Tiện. Nhưng cái pháp giả này có thể giúp bạn “Đại triệt đại ngộ”, giúp bạn “Minh tâm kiến tánh”, vì vậy nó hữu dụng. Nhưng không thể chấp vào đó, chấp vào nó thì nó liền có hại.

Chấp trước, bạn sẽ không ra nổi Thập Pháp giới. Không chấp trước bạn liền có thể thoát khỏi Thập Pháp giới, ra khỏi mười Pháp giới mới chân thật là “**Lìa cứu cánh khổ**, **đắc cứu cánh lạc**”. Cứu cánh lạc là thành Phật, chứng Đại Niết Bàn. Cho nên “Pháp còn phải xả”, A La Hán đối với pháp vẫn chưa xả được, khi ở vào địa vị Bồ Tát thì “Pháp” buộc phải xả bỏ. “Pháp” không được chấp trước, cho nên chúng ta phải nhớ “**Thật tướng vô tướng**”, thật tướng là gì? Là cái ngã thật sự của chính mình, Đại Thừa bảo là “Thường, Lạc, Ngã, Tịnh”, tức là Tứ đức của thật tướng. Bốn đức này, “Thường” là không sanh không diệt. Thập Pháp giới và sáu nẻo là vô thường, toàn là thuộc về pháp sanh diệt. Động vật có “*Sanh-lão-bệnh-tử*”, thực vật có “*Sanh*-*trụ*-*dị*-*diệt*”, khoáng vật có “*Thành*-*trụ*-*hoại*-*không*”, bạn sẽ không tìm thấy bất kỳ một pháp nào là không sanh không diệt. Vì thế, đây đều là huyễn tướng, là giả tướng, không phải thật tướng.

Thật tướng không có hiện tướng vật chất, không có hiện tượng khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm là hiện tượng của tâm lý, cũng không có hiện tượng tự nhiên. Thật tướng lý thể, không lập một pháp, vì thế gọi nó là vô tướng. Bạn không thể chấp trước, nó cái gì cũng không có. Nếu bạn triệt để buông xả, thật tướng liền hiện tiền. Người thế nào có thể thấy được thật tướng vậy? Thấy được thật tướng đồng nghĩa với kiến tánh, tức là đã buông bỏ chấp trước. Hết thảy mọi chấp trước thảy đều buông xả, bỏ được phân biệt, bỏ được cả khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm là không giác, là mê. Nhất định phải “***không khởi tâm, không động niệm***”. Không khởi tâm, không động niệm là bản năng của tự tánh, chính là chân tâm. Động niệm là vọng tâm, không động niệm là chân tâm, chân tâm chính là thật tướng. Vì vậy, chân thật có thể làm được sáu căn nơi sáu trần, không khởi tâm, không động niệm. Không khởi tâm, không động niệm, người đó liền kiến tánh, tức là thật tướng xuất hiện, họ thấy được thật tướng. Thật tướng là như thế nào? Nó hoàn toàn giống như những gì mà đại sư Huệ Năng đã thấy được, thấy rằng nó là tướng thanh tịnh không sanh không diệt, thấy được tự tánh là tướng bình đẳng vốn định.

“**Vạn pháp nhất như**, **vạn pháp bình đẳng**”, bạn có thể thấy nó, tuy nó chẳng có bất kỳ hình tướng nào. Đức dụng trong tự tánh vô lượng vô biên. Năng hiện vạn pháp, vô tướng có thể hiện ra tất cả tướng. Chữ “***Tất cả tướng***” này là không có biên giới, không có số lượng. Gặp được duyên thì hiện, không có duyên thì bèn ẩn mất. Lúc ẩn lúc hiện, bạn thấy rồi thì giống như những gì Huệ Năng đại sư đã thấy, cũng giống như cách thấy của chư Phật Như Lai vậy. Thế thật tướng có chấp trước hay không? Không có. Chẳng những không chấp trước, mà cả khởi tâm động niệm cũng không có. Khởi tâm động niệm chỉ thấy được vọng tướng, không thấy được thật tướng. Không khởi tâm, không động niệm sẽ thấy được thật tướng, không còn thấy vọng tướng. Thế vọng tướng có hay không? Có. Thật tướng với vọng tướng là một tướng. Thật tướng, thể của nó thanh tịnh vô vi; còn vọng tướng, là y chánh trang nghiêm của mười Pháp giới, trong đó bao hàm cả sáu nẻo luân hồi.

Đây là vọng tướng, vọng tướng như thế nào vậy? Vọng tướng bất khả đắc; đương thể tức không, bất khả đắc. Chúng ta nơi cái tướng hư giả ấy mà khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước nên tạo nghiệp, nghiệp gì vậy? Là nghiệp luân hồi. Bởi vì bạn tạo nghiệp luân hồi, nên cảnh giới luân hồi bèn xuất hiện. Lúc nào bạn dừng lại, không tạo nghiệp luân hồi nữa, thì hiện tượng luân hồi sẽ biến mất. Đây chính là sự ẩn hiện được nói đến trong giáo lý Đại Thừa.

Ta khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, thế thì tướng của sáu nẻo và của mười Pháp giới liền hiện ra cả. Ta không khởi tâm, không động niệm, sẽ không thấy sáu nẻo luân hồi với mười Pháp giới. “**Như mộng huyễn bào ảnh**”, dù bạn có muốn tìm cũng tìm không ra. Sự việc này, khoa học gần đây đã giúp chúng ta chứng minh rồi, giúp chúng ta xóa bỏ nghi hoặc, nhưng có thật là đoạn được không? Phàm phu thông thường tuy không còn nghi hoặc, nhưng vẫn chưa buông xả. Vì thế, họ vẫn ở cõi Người. Dẫu có nói rõ ràng rành mạch, thọ dụng chân thật của kiến tánh, ngộ nhập, họ cũng chẳng đạt được, bởi nguyên nhân gì? Do chưa buông xả. Chưa triệt để buông xả, triệt để buông xả là không khởi tâm, không động niệm. Những điều này chúng ta không thể không biết, chẳng luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa. Xem bạn buông bỏ được bao nhiêu? Buông bỏ được ít là Tiểu Thừa, triệt để buông bỏ là Đại Thừa. Vì thế, “**Thật tướng vô tướng**”, không thể chấp trước được. “***Thật tướng chẳng phải là không tướng***”, đó chính là “***Nào ngờ tự tánh****,* ***năng sanh vạn pháp***”.

“**Thật tướng năng sanh, vạn pháp sở sanh**”, sở sanh của hết thảy vạn pháp đều là tướng giả, kinh Kim Cang nói được rất hay: “**Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng**”. Dẫu là tướng hư vọng, quyết định không được chấp nó là thật. Tuyệt đối không được có ý niệm chiếm hữu, không được có suy nghĩ muốn khống chế nó. Hay suy nghĩ chi phối ba loại này đều là dục vọng của con người; tôi phải chiếm hữu lấy, phải khống chế, phải chi phối nó. Ba loại này chính là nghiệp luân hồi, chỉ cần có ý niệm này bạn liền tạo nghiệp luân hồi. Ngày ngày đều không ngừng tạo nghiệp luân hồi, thì làm sao có thể ra khỏi luân hồi được? Học Kinh giáo phải nên học như thế nào? Người xưa nói rất hay: “*Đọc sách ngàn lần, nghĩa kia tự hiểu*”, học mỗi ngày, không được buông lơi.

Hiện tại, đồng học trong lớp học của chúng ta, chúng ta đều đã xem qua chia sẻ tâm đắc của họ. Có một số đồng học quả thật dùi mãi không thôi. Mỗi ngày, cái đĩa này, xem chí ít cũng ba đến năm lần, niệm một vạn tiếng Phật hiệu. Thật làm à! Khoảng hai đến ba tháng là có tiến bộ rất lớn; rõ ràng nhất là phiền não ít đi, trí huệ tăng trưởng. Chúng ta đã nghe qua báo cáo của họ rồi, văn bản cũng thấy rồi. Chúng tôi rất cảm động! Họ liệu có thể thành tựu hay không? Vấn đề nằm ở có hằng tâm hay không? Nếu như họ kiên trì mãi, bỏ ra một năm để cắm gốc. Tôi nói với mọi người là một năm, coi chiếc đĩa này 1000 lần. Một ngày ba lần, một năm là một ngàn lần, đây là cắm gốc. Sau khi gốc đã trồng được rồi, họ sẽ nếm được pháp vị.

Còn sau đó? Sau đó dù tôi không dạy cho họ, họ cũng không bao giờ thả lỏng việc học của mình. Vì sao? Vì họ nếm được mùi đạo rồi, vui thích làm gì thì không thấy chán nản mệt mỏi. Nếu tiếp tục thực hiện trong vòng ba năm, công phu khá rồi, sự “Nhất tâm bất loạn” có thể đạt được. Công phu có kém hơn thì cũng đạt đến công phu thành phiến. Hay nói cách khác, việc vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, tôi có hỏi bạn:

*-* “*Bạn chân thật đã nắm chắc trong tay chưa*?”.

Tự mình sẽ dám nói là:

- “*Tôi nắm chắc rồi*, *tôi nhất định vãng sanh Tịnh Độ*”.

Chuyện này không phải giả, sanh về Tịnh Độ liền thành Phật. Hải Hiền lão Hòa thượng thường nói: “***Niệm Phật vãng sanh thành Phật là đại sự*, *những thứ khác đều là giả***”. Câu nói này phải khắc ghi trong lòng, không giây phút nào quên đi. Chúng ta đến với cõi đời này để làm gì? Giống như Ngài vậy, là đến biểu pháp, biểu pháp gì? Biểu pháp niệm Phật vãng sanh làm Phật là thật, những chuyện khác toàn là giả. Giả thì phải buông bỏ tất cả, thật thì một ngày cũng không được quên đi. Có đồng học cẩn thận đến mức:

- “*Niệm niệm không bỏ thánh hiệu Di Đà*. *Có một phút thì tôi niệm một phút*, *có một giây thì tôi niệm một giây*, *không thời khắc nào để mất đi*”.

Người đó làm sao mà không thành tựu được? Làm gì có cái lý ấy được? Chúng tôi đã thấy và nghe được rồi, rất hoan hỷ. Họ cuối cùng đã có nơi có chốn nơi tây phương Thế Giới Cực Lạc rồi, một đời này quyết định đắc sanh Tịnh Độ. Cho nên ở chỗ này, A Nan xưng là “Tôi”. Chẳng giống với phàm phu, cũng chẳng giống Nhị Thừa, A Nan đối với thật tướng và tác dụng không phải không có tướng mà thật tướng khởi lên. Hoàn toàn thông suốt, không hề nghi hoặc, nên không dính vào hai bên, không dính vào vô tướng, cũng không dính vào không phải bất tướng. Hai bên đều không dính vào, thì thật tướng diệu dụng liền xuất hiện.

“**A Nan thuận theo thế gian**, **giả gọi là ngã**; **chẳng trái nghịch đệ nhất nghĩa đế**”. “Đệ nhất nghĩa đế” là vô ngã chân thật; “Thật giả nhất như”, thật giả không hai. Phía sau Niệm lão có dẫn lời trong “Quán Kinh Sớ”: “**Không ngã thì không ai nghe**, **không ai nghe thì sự giáo hóa tuyệt**, **vì để truyền dạy**, **hóa độ chẳng tuyệt**, **giả danh nói ngã**”. Nếu như nói thật, không hề dối, những người này đều trở về với tự tánh; vết tích cũng không tìm thấy, vậy thì thế giới này sẽ không có người truyền pháp. Do đó liền biết, phàm là người đến truyền pháp, đều là thừa nguyện tái lai, đều thuộc về biểu pháp của Thế Tôn. Giống như cả đời của Hải Hiền lão Hòa thượng, A Di Đà Phật bảo Ngài biểu pháp, làm tấm gương người niệm Phật, làm tấm gương người cầu vãng sanh. Cũng làm ra tấm gương “***Người chân thật đầy đủ tín, nguyện, hạnh***”, một cách viên mãn; để mọi người nhìn thấy, khích lệ mọi người, hy vọng mọi người đều có thể thành tựu.

Đại pháp của Thế Tôn và sự giáo hóa, truyền thừa diệu pháp của đức Di Đà không bị tuyệt diệt ở thế gian. Cho nên A Nan giả danh xưng là “Ngã”, chư Phật Như Lai cũng là giả danh xưng “Ngã”. Ngài nói là “Ngã”, nhưng trong đó không hàm chứa “Ngã chấp”, trong đó cũng không có “Pháp chấp”. Ý nghĩa này chúng ta nhất định phải hiểu. Đoạn phía dưới cùng giải thích cho chúng ta chữ “Văn”: “**Văn là căn tai phát sinh nhĩ thức**; **ở đây chẳng bảo là tai nghe mà lại nói là ngã văn**, **là do chữ ngã bao trùm các căn**; **dùng cái tổng thể thay thế cho cái riêng biệt**, **dùng ngã thế cho tai nên nói ngã văn**”.

 Ý này rất hay, rõ ràng là tai nghe thấy, nhưng không bảo là “Tai”, lại bảo là “Tôi”, “Tôi” là chỉ cho tổng thể của thân. Nói một chữ “Tôi” này, thì bao gồm cả thảy sáu căn trong đó. Vì thế, nó bao trùm hết các căn, gói trọn đủ các thức, thức ý là tám thức, căn là sáu căn. Đây là nói: “***Tôi nghe được***”, “**Như thị**” biểu thị “Tín, nguyện”, “**Ngã văn**” biểu thị “Sư Thừa”. Ý là pháp này không phải do chính tôi ngộ được, mà do đức Phật truyền lại.

Chúng ta giác ngộ rồi, chân thật minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, muốn tìm một vị thầy ấn chứng cho chúng ta. Lục Tổ khai ngộ, đến tìm Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn để Ngài ấn chứng. Nếu Ngũ Tổ chứng thực con người Ngài, đồng nghĩa sẽ truyền pháp cho Ngài. Đây chính là Sư Thừa, cái lý này phải hiểu. Bản thân chúng ta ngộ ra đạo lý, thỉnh lão sư đến ấn chứng. Lão sư chứng minh cho chúng ta rằng: “*Anh không sai*”, nhưng cái lý này là của lão sư, không phải của “Tôi”. Ở chỗ này, tuy rằng tôi ngộ ra được, lão sư đã ấn chứng, ấn chứng tức là đây là của lão sư, không phải của tôi. Rõ ràng là do tôi phát hiện ra, làm sao lại là của lão sư được?Thật sự là của lão sư, cái lý này phải hiểu. Nếu bạn còn muốn đi tranh công với thầy, tức là “Ngã chấp” của bạn vẫn chưa phá, bạn có biết điều đó không? Không những lão sư với mình là một thể, của lão sư tức là của mình, của mình cũng là của lão sư; của đức Phật cũng là của mình, mà của mình đều là của đức Phật.

“Không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước”, cái này biểu thị cái gì?Biểu thị cái đức khiêm nhường trong tự tánh của chính mình, đức khiêm tốn là một đức tính cao đẹp, đức tính tốt đẹp này có thể giáo hóa tất cả chúng sanh. Biết khiêm nhường, khiêm nhường có thể hóa giải cạnh tranh. Không có cạnh trạnh liền không có đấu tranh, cũng không có chiến tranh. Công đức này lớn biết dường nào! Vì thế phải biết khiêm nhường. Bản thân chúng tôi có một kiến nghị, lão sư chưa nghĩ đến còn chúng tôi thì nghĩ đến rồi. Lão sư ấn chứng cho chúng tôi, ý tưởng của anh không tệ, đây chính là của lão sư;chứ không thể nói rằng ý tưởng của tôi, còn công quy cho lão sư.

Thuở tôi còn trẻ vừa mới xuất gia chưa lâu, tôi 33 tuổi xuất gia, đại khái khoảngnăm 33, 34 tuổi. Năm 34 tuổi, tôi đã ở đạo tràng được một năm. Sau khi thế độ, tôi chỉ trú ở đạo tràng một năm. Sau đó trở về Đài Trung, muốn theo lão sư học một bộ kinh lớn. Kinh nhỏ tôi đã học được ba mươi mấy bộ, cảm thấy vô cùng say mê, hứng thú. Phật Pháp mang đến pháp hỷ này cho tôi, tôi muốn học một bộ đại kinh, học Lăng Nghiêm, chính ngay lúc đó. Đại học Đài Loan chính thức phê duyệtcho Xã đoàn của sinh viên, gọi là Thần Hi Xã. Giáo sư Chu Tuyên Đức, giáo sư Chu cùng tuổi với lão sư Lý, là chỗ bạn bè thân thiết, lại là Phật tử Thuần Thành. Giáo sư dạy ở trường đại học, liền dẫn dắt một nhóm sinh viên nghiên cứu Phật Pháp. Chính thức xin với trường học thành lập Thần Hi Xã, trường học phê chuẩn rồi. Thế là sinh viên Đại học Đài Loan bắt đầu học Phật, đây là Học xã đầu tiên. Giáo sư Chu đến Đài Loan thăm lão sư Lý, bèn đem sự việc nàykể tường tận tỉ mỉ với lão sư Lý. Ngày hôm đó, tôi ngồi bên cạnh, lão sư nghe qua rất hoan hỉ. Đến khi lão sư Chu ra về, chúng tôi tiễn ông đến cổng. Ông lên xe đi rồi, địa điểm là ở Thư viện Từ Quang, lúc đó tôi trú ở thư viện. Lão sư Chu đi rồi, tôi liền nói với lão sư Lý, tôi nói:

- “*Thầy ơi*, *đây chưa chắc là một việc tốt*”.

Thầy quay đầu lại nói:

**-** “*Vì sao không phải việc tốt*?”.

- “*Sinh viên đại chuyên học Phật*, *chứng tỏ Phật giáo không phải mê tín*. *Chính bởi nguyên nhân đó*,*số sinh viên đại học này có trình độ tri thức cao*, *là phần tử tri thức cao cấp*. *Họ mà học Phật*, *nhất định sẽ có ảnh hưởng đối với xã hội*. *Lỡ như họ học sai rồi thì làm sao*? *Lỡ người dẫn dắt*, *chỉ sai phương hướng*, *giảng sai kinh điển*, *giảng sai ý nghĩa*, *vậy phải làm sao?*”, tôi nói với thầy.

Lão sư Lý sau khi nghe mấy lời của tôi, liền rất bình tĩnh nghĩ hết một lúc, thày quay lại nói với tôi tôi:

**-** “*Anh nói không sai*”.

- “*Thế phải làm sao?*”, tôi nói.

Tôi phản ứng rất nhanh, tôi lập tức kiến nghị với thầy, tôi nói:

- “*Thư viện Từ Quang của chúng ta*, *có thể thành lập Phật học Giảng tòa*. *Chủ nhật mỗi tuần tổ chức một lần*, *đối tượng là học sinh đại chuyên ở khu vực Đài Trung*. *Chủ nhật mỗi tuần*, *họ đều có thể đến bên này học Phật*, *đến nghe giảng bài*.*Buổi trưa*, *chúng ta sẽ chuẩn bị cơm chay tiếp đãi họ*. *Ăn cơm xong*, *bởi vì buổi chiều vẫn phải lên lớp*. *Bởi vậy*, *cứ ngày Chủ nhật mỗi tuần*, *sinh viên sẽ đến lớp nghe giảng*”.

Lão sư Lý liền tiếp nhậnGiảng tòa này, gọi là “Từ Quang Đại Chuyên Phật Học Giảng Tòa”. Sinh viên vào kỳ nghỉ Hè và nghỉ Đông trên khắp Đài Loan, đều đến ở tại thư viện, cũng chính là Từ Quang Giảng tòa. Thư viện có thể chứa được khoảng một trăm người ở lại trong ký túc xá. Lúc đó, chưa có nhiều học sinh như vậy, học sinh vào kỳ nghỉ Hè và nghỉ Đông. Khóa thứ nhất, tôi biết có bốn học sinh; khóa thứ hai có mười hai người; khóa thứ ba có hơn hai mươi người; đến khóa thứ tư thì chiêu sinh hơn một trăm người, khoảng một trăm lẻ mấy người. Cứ như thế mà tiến hành, tôi đưa ra những kiến nghị này. Vì thế chính thức thành lập Giảng tòa, thầy tìm tôi thương lượng xem phải dạy những giáo trình nào, mời những người nào đến giảng. Những điều này không thể quy cho tôi được,tất cả đều quy cho lão sư, không thể nói đó là của tôi được, cái nguyên tắc này phải hiểu.

Lão sư làm, chúng tôi chỉ thay thầy đưa ra chủ ý mà thôi. Trách nhiệm do thầy gánh vác, có công cũng là của thầy, có tội thì cũng do thầy chịu. Chúng tôi không có công cũng chẳng có lỗi, nhất định phải hiểu quy tắc này. Rất nhiều người hiện nay không hiểu phép tắc, tranh công với thầy, tranh công với lãnh đạo. Đây là cấm kỵ lớn nhất, sai lầm lớn nhất, đều do không có thiện tri thức chỉ bảo. Chúng tôi bên cạnh lão sư rất lâu, trước sau mười năm.

Thầy thường hay nói với chúng tôi, nhắc nhở chúng tôi, vì sao?Vì chúng tôi cũng là không có ai chỉ bảo. Những lễ giáo xưa này, những phép tắc này, người xưa đều biết, người bây giờ thì không. Thầy vừa nói ra, chúng tôi đều hốt nhiên đại ngộ, đều hiểu cả. Nên đoàn thể ấy mới gọi là “Lục hòa đoàn thể”; chỉ cần trên dưới hòa thuận, việc này ắt thành công. Trên dưới bất hòa, liền thất bại ngay. Làm thế nào để chung sống hòa mục? Chính là phải nhẫn, nhẫn nhục Ba la mật quan trọng hơn bất cứ thứ gì.

**“Như thị biểu thị tín nguyện**, **‘Ngã văn’ biểu thị Sư Thừa**; **điều tôi được nghe đều từ kim khẩu đức Thế Tôn nói ra**, **truyền thừa có đầu mối**, **quyết định chẳng phải do người khác nói**, **hoặc tôi tự bịa ra**; **dùng đây để chứng tín**”. Tất cả những gì A Nan nói đều có căn cứ rõ ràng, không phải do bản thân Ngài bịa đặt. Dẫu bản thân mình bịa ra mà được sự khẳng định của lão sư, thì đó là của lão sư, nhất định phải hiểu cái lý này, đây là Sư Thừa thật sự.

Phần sau, có một đoạn là “**Thời thành tựu**”. “Nhất thời”, mục này chỉ có hai chữ “Nhất thời’, là “Thời thành tựu”, “**Thời chẳng phải là thật pháp**, **dài**, **ngắn tùy tâm**; **kéo dài hay thu gọn cùng một lúc**, **ba a tăng kỳ trong một niệm**”, cái ý này rất sâu xa. Đầu tiên nói với chúng ta, thời gian không có thật. Thời gian trong “Bách Pháp Minh Môn Luận”, chính là thời phân và phương phân; “Thời phân” là thời gian, “Phương phân” là không gian.

Thời không trong Phật giáo Đại Thừa, nó thuộc về loại pháp nào? Trong “Ngũ vị Bách pháp”, nó thuộc về “Bất tương ưng hành pháp”, bất tương ưng là gì? Nghĩa là nó không tương ưng với Tâm pháp, không tương ưng với Tâm sở pháp, không tương ưng với sắc pháp. Nó là “Bất tương ưng hành pháp”, có 24 loại. Đây là hai loại “Bất tương ưng hành pháp” trong 24 loại. Chữ “Bất tương ưng” có ý nghĩa gì? Người thời nay nói là “Khái niệm trừu tượng”, không có thật. Tâm pháp có thật, Tâm sở pháp cũng có thật, sắc pháp cũng có thật. Nó thì không, nó là khái niệm trừu tượng. Từ trong không mà sinh ra có, hữu danh vô thực, cái này nhất định phải biết. Cho nên thời gian không có dài ngắn, dài ngắn là gì? Đều là ý niệm của tâm mà thôi.

Không gian không có lớn nhỏ, thời gian không có ngắn dài. Ngắn dài đều do tâmkéo dài, rút ngắn đồng thời. “Diên” là thời gian dài, “Súc” là thời gian ngắn, như phần sau có nói “Ba a tăng kỳ kiếp”, đây là “Diên một niệm”, đây là “Súc ba đại a tăng kỳ kiếp” chính là một niệm, một niệm chính là ba đại a tăng kỳ kiếp. Vì sao có cái quan niệm này vậy? Là do ý niệm của chúng ta khởi lên huyễn tướng, không có thời gian, không có trước sau. Thuở xưa, đây là trước, hiện đại; đây là sau, tương lai, là lấy chúng ta làm trung tâm. Trước thời chúng ta, hay sau thời của chúng ta, đều là giả, không phải thật. Tây phương Thế Giới Cực Lạc, cách cõi này của chúng ta mười vạn ức cõi Phật. Đây là nói về không gian, không gian là giả, không phải thật. Mười vạn ức cõi Phật, Thế Giới Cực Lạc ở đâu? Chính ngay chỗ này, chính ngay trước mắt, trong một niệm. Bất kể là thời gian, bất kể là không gian.

Trong Phật Pháp Đại Thừa có nói là “Tức ngay đây”, câu nói này là lời thật. Nói lời thật, chúng ta nghe không hiểu. Chúng ta sống trong giả tướng, biết bao năm đem giả cho là thật, thật lại đem cho là giả, hoàn toàn không biết chân tướng sự thật. Mãi đến nay, khi các nhà lượng tử xuất hiện. Cách nói của họ gọi là nói theo khoa học, giống như cách nói của kinh Đại Thừa vậy. Các nhà khoa học đã khẳng định cách nói trong kinh Đại Thừa.

 Vì vậy, Đại Thừa không những là triết học, mà còn là khoa học. Chúng tôi tin rằng, lượng tử lực học đang rầm rộ trở lại. Tương lai nhất định sẽ còn phát hiện được nhiều hơn, lớn hơn nữa. Những khám phá này khẳng định những gì được nói trong kinh Phật, hoàn toàn tương đồng nhau, gọi là bí mật vũ trụ. Hiện tượng vật chất được phát hiện gần đây, vật chất rốt cuộc là gì? Đã làm rõ cả rồi, cũng đã làm rõ chuyện từ đâu mà có vật chất? Nó do ý niệm biến hiện ra. Vậy hiện tượng ý niệm đến từ đâu? Ý niệm rốt cuộc là gì? Cái này vẫn chưa được làm sáng tỏ. Hiện nay, rất nhiều người đang tiến hành nghiên cứu, biết ý niệm là điều không thể nghĩ bàn. Ý niệm “**Năng sanh vạn pháp**”, nhưng ý niệm, bản thân nó là gì thì vẫn chưa có gì rõ ràng, chưa làm rõ được, trong kinh Phật nói rất rõ.

Phía sau, Niệm lão có dẫn ra những lời trong “Sớ sao” của Liên Trì đại sư: “**Hoặc kẻ nói đắc Đà la ni**”. Cái từ “Người nói” này ý là người thuyết kinh, họ đắc Đà La ni, Đà La ni là tiếng Phạn dịch thành ý nghĩa Trung Quốc gọi là “Tổng trì”, tổng tất cả nghĩa, trì tất cả pháp. Trong Kinh giáo Đại Thừa nói với chúng ta: “**Biến Pháp giới, hư không giới**”. Hiện nay chúng ta nói là “Toàn thể vũ trụ”, hết thảy pháp trong toàn bộ vũ trụ này từ đâu mà có? Đức Phật nói với chúng ta, tất cả những pháp này là do “Tâm tánh của chính mình biến hiện ra”.

Huệ Năng đại sư lúc khai ngộ đã nói ra cả rồi: “**Nào ngờ tự tánh**, **năng sanh vạn pháp**”, là do tự tánh biến hiện ra. Ngài đã nói ra năm câu, đây là câu cuối cùng. Nói rằng, tự tánh khởi tác dụng sanh ra vạn pháp, toàn thể vũ trụ là do tự tánh biến hiện ra. Tự tánh chính là chân tâm của chúng ta, vì sao lại dùng chữ “Tự” này? Tự ý là tự nhiên, nó không phải do được cái khác sinh ra, nó không có; nó vốn dĩ chính là như vậy. Vì thế gọi là tự tánh, là tự nhiên; tự tánh là thanh tịnh; tự tánh không sanh không diệt; tự tánh vốn tự đầy đủ; tự tánh vốn không dao động, không dao động chính là tự tánh vốn định.

Chân tâm, nó không hề dao động qua, vọng tâm thì động. Ý niệm của chúng ta là vọng tâm, là a lại da, nó là động. Tự tánh không động, tức là chân tâm bất động. Bởi vậy, vì sao Phật Pháp phải tu định? Định chính là không động, định chính là tìm lại chân tâm. Vọng tâm là động, còn chân tâm bất động. Cho nên, định sẽ tương ưng với chân tâm. Nếu chúng ta muốn tìm lại chân tâm, muốn dùng chân tâm không dùng vọng tâm.

Vậy thì phải tu như như bất động, tuyệt đối không được chịu sự quấy nhiễu của cảnh giới. Bên ngoài đều là giả tướng, “**Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng**”. Thứ mà Phật Pháp Đại Thừa theo đuổi không gì khác, chính là trở về với “**Tự tánh thành Phật**”, gọi là viên mãn. Chúng ta là do mê mất đi tự tánh, hoàn toàn là vọng niệm; đem vọng niệm cho là chân tâm, để nó làm chủ. Vì vậy, khởi tâm động niệm đều tạo nghiệp, nghiệp cảm chiêu lấy luân hồi. Sáu nẻo luân hồi là do nghiệp cảm, trong tự tánh không có sáu nẻo luân hồi. Cho nên, Lục đạo luân hồi là một giấc mộng, nhất định phải thức tỉnh khỏi giấc mộng này.

Học Phật Pháp là một môn học vấn, không phải Pháp thế gian thông thường. Nó giúp chúng ta trở về với tự tánh, giúp chúng ta tìm lại chân tâm. Chỉ cần dùng chân tâm sinh sống, thế thì hoàn toàn chính xác. Đó chính là chư Phật, Bồ Tát, các ngài sống bằng chân tâm; còn Lục đạo và Thập Pháp giới thì sống bằng vọng tâm, vọng tâm rất khổ. Tứ Thánh Pháp giới chưa kiến tánh, đọa xuống sáu nẻo, không ra nổi; đời đời kiếp kiếp, vô lượng kiếp chịu đủ mọi khổ nạn. Đây đều thật oan uổng, nó giống như nằm mơ thấy ác mộng vậy. Liên tục nằm thấy ác mộng, không tỉnh dậy nổi. Vì thế, đắc Đà La ni, Đà La ni là tổng trì pháp môn, không có gì mà họ không biết. Người thế nào thì đắc được Đà La ni? “*Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”, liền đắc Đà La ni.

“**Trong một sát na**”, đây là nói đến tốc độ rất nhanh, một niệm “**Trong một chữ**, **nói hết thảy pháp môn**”, hoàn toàn xứng tánh. “**Hoặc kẻ nghe do đắc nhĩ căn thanh tịnh**; **trong một sát na**, **lúc nghe một chữ**, **với hết thảy những thứ khác đều không chướng ngại**”, chúng ta dùng ví dụ trong Lục Tổ Đàn Kinh để xem xét. Sau khi Lục Tổ nhận được Y Bát liền rời khỏi Hoàng Mai, Ngũ Tổ dặn dò Ngài:

*-* “*Phải tìm một nơi để ẩn cư*, *đừng xuất hiện*, *phải ẩn mình đi*, *đừng để người khác phát hiện*. *Đố kỵ*, *chướng ngại rất nặng*, *anh trở thành tổ thứ sáu*, *rất nhiều người không phục*”.

 Vì vậy, bảo Ngài phải ẩn đi. Trên đường đào tẩu, gặp được Tỳ kheo ni vô tận tạngnghe Tỳ kheo ni vô tận tạng tụng kinh Đại Niết Bàn, lúc đó Huệ Năng đại sư mới 24 tuổi. Ngài khai ngộ rồi, khai ngộ liền đắc Đà La ni. Nghe qua một đoạn kinh, thì ý nghĩa của toàn kinh Ngài đều hiểu rõ, Ngài có cái khả năng này. Tỳ kheo ni vô tận tạng niệm hết một đoạn, bởi vì kinh Niết Bàn rất dài, là một bộ kinh lớn. Bộ kinh này nếu đọc từ đầu đến cuối qua một lượt, dù có đọc cả ngày cũng đọc không hết, đọc hết cũng phải mất 2, ba ngày. Bộ kinh này lớn như vậy, Ngài giảng ý nghĩa kinh cho Tỳ kheo ni vô tận tạng;Tỳ kheo ni nghe rồi, vô cùng hoan hỷ, hết sức bội phục; bê cả bộ kinh ra thỉnh giáo với Ngài.

- “*Tôi không biết chữ*”, Ngài nói.

-“*Không biết chữ thì sao lại giảng được hay đến như vậy?*”.

 Chuyện này chẳng liên quan gì đến chuyện biết chữ hay không biết chữ cả, chỉ liên quan đến Thiền định và liên quan đến kiến tánh thôi. Chúng ta phải hiểu được đạo lý này. Khi kiếp nạn của Lục Tổ qua rồi, Ngài xuất hiện ở Quảng Châu. Được sự hộ trì của pháp sư Ấn Tông, Ngài thị hiện thành tướng Tỳ kheo, chính thức lấy thân phận là tổ đời thứ sáu của Thiền tông, ở Tào Khê giáo hóa chúng sanh. Thiền sư Pháp Đạt đến Tào Khê tham học, người này đã tụng được ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa niệm được ba ngàn bộ, nên sanh lòng ngạo mạn, cảm thấy bản thân rất khá. Khi gặp mặt Lục Tổ, lúc lễ bái ba lần lễ đầu không chạm đất, đầu không chạm đất do có lòng ngạo mạn. Đợi ông đứng dậy, Lục Tổ bèn hỏi ông:

- “*Ông lễ ba lễ đầu không chạm đất*, *trong lòng ông nhất định có chuyện gì đáng kiêu ngạo*, *đó là chuyện gì?*”.

- Ông liền nói: “*Bản thân đã tụng được ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa*, *đáng được kiêu ngạo*”.

- Lục Tổ bèn hỏi ông: “*Thế Pháp Hoa giảng về cái gì?*”.

Thì ông nói không được, bèn quay qua thỉnh giáo với Lục Tổ. Lục Tổ bảo:

*-* “*Kinh này*, *ta chưa nghe qua*. *Ông đã niệm được ba ngàn biến rồi*, *ông niệm cho ta nghe thử*”.

Ông niệm rất thuộc, hoàn toàn có thể đọc thuộc lòng. Kinh Pháp Hoa có 28 phẩm, ông chỉ niệm đến phẩm thứ hai, Lục Tổ nói:

- “*Được rồi! Không cần niệm nữa*, *ta biết hết rồi*”.

Bèn giảng giải kinh Pháp Hoa cho ông, ông cũng khai ngộ rồi. Lúc lễ bái lần nữa, đầu chạm đất. Không cần nghe hết bộ kinh, nghe qua mấy câu là đã hiểu hết ý nghĩa trong đó. Đây chính là Đà La ni, đắc tổng trì pháp môn. Như thế chúng ta đã hiểu, Bồ Tát Long Thọ “Đại triệt đại ngộ”, học tập tất cả Kinh giáo mà Phật Thích Ca đã thuyết trong suốt 49 năm. Ngài đã dùng bao nhiêu thời gian vậy? Ba tháng là học hết tất cả. Cũng khởi lên tâm ngạo mạn, cho rằng thế nào? Cho rằng trên thế gian này, không có một ai có thể vượt qua Ngài. Ý niệm này không tốt, tập khí, là tập khí ngạo mạn.

Bồ Tát Đại Long, Bồ Tát Đại Long là Đẳng Giác Bồ Tát, thấy ngài Long Thọ nên thương xót, thế là giúp đỡ Ngài ấy. Dẫn Ngài xuống Long Cung, ở Long Cung đang cất giữ bộ “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh”, để Ngài xem qua một chút. Bộ kinh này, phân lượng bao lớn? Là “*Ba ngàn đại thiên thế giới Vi Trần Kệ và một Tứ thiên hạ vi trần phẩm*”. Bộ này là do Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết, thuyết vào lúc nào? Thuyết lúc thành Đạo. Bồ Tát Long Thọ vừa xem thấy bộ đại kinh này, tập khí ngạo mạn lập tức biến mất. Nhìn thấy chân dung thật sự của bộ đại kinh này, Ngài biết mình chỉ như ánh sáng đom đóm, không thể nào sánh với ánh sáng mặt trời.

Kinh Hoa Nghiêm là do đức Phật thuyết trong định, khi Ngài đại triệt đại ngộ dưới cội Bồ Đề. Ở trong định làm báo cáo, ngộ được điều gì? Giống như Huệ Năng đại sư vậy. Huệ Năng đại sư đơn giản chỉ nói ra năm câu, còn báo cáo của Phật Thích Ca, sau khi Ngài đại triệt đại ngộ chính là “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh”. Bộ kinh này không ở thế gian của chúng ta. Cõi này, không có khả năng tiếp nhận nó, cho nên Bồ Tát Đại Long cất nó vào Long Cung. Đại bổn không một ai có thể tiếp nhận nổi, vì phân lượng của nó quá lớn. Nó vẫn còn Trung bổn, nhưng phân lượng của Trung bổn cũng rất lớn. Chúng sanh nơi cõi Diêm Phù Đề không có cái căn tánh đó. Sau đó, nhìn thấy còn có Hạ bổn, tựa như là mục Lục khái quá của Hạ bổn, có mười ngàn bài kệ gồm 40 phẩm. Bồ Tát Long Thọ nói: “***Cái này thì được***”. Bổn này có thể, nên bèn mang bổn này về thế gian. Vì vậy, kinh Hoa Nghiêm là do Bồ Tát Long Thọ truyền.

Hiện nay, nguyên bản của của kinh này đã bị thất truyền. Kinh Hoa Nghiêm bây giờ chỉ có bản phiên dịch Trung văn. Ở Trung Quốc, được phiên dịch ba lần, ba lần đều là bản khiếm khuyết, không hoàn chỉnh. Bởi vì, phân lượng kinh quá lớn. Thời xưa, giao thông rất không thuận tiện, rất dễ bị Thất thoát. Dịch thành Trung văn, lần đầu phiên dịch vào đời Tấn, có 60 quyển, chúng ta gọi là “Hoa Nghiêm 60”. Lần thứ hai vào triều Đường, phiên dịch vào thời của Võ Tắc Thiên, chúng ta gọi là bản Đường dịch. Lần thứ ba là vào niên hiệu Trinh Quán, Quốc vương của nước Ô Đồ bên Ấn Độ tiến cống cho Trung Quốc, tức là tặng lễ vật. Trong số đó có một bộ “Phổ Hiền Hạnh Nguyện phẩm”, là phẩm cuối cùng trong kinh Hoa Nghiêm. Như thế coi như hoàn chỉnh, không thiếu sót. Truyền đến Trung Quốc, Trung Quốc cho tiến hành phiên dịch, có 40 quyển, gọi là “Hoa Nghiêm 40”.

Hiện nay, bản Trung văn của kinh Hoa Nghiêm, muốn học thì nên học “Hoa Nghiêm 80”. 21 quyển sau cùng của “Hoa Nghiêm 80” chính là “Phổ Hiền Hạnh Nguyện phẩm”. Cái này thì không cần học rồi, học “Hạnh nguyện phẩm” trong 40 quyển của bản dịch niên hiệu Trinh Quán, hợp lại là 99 quyển. Tuy rằng không được hoàn chỉnh, nhưng kinh Hoa Nghiêm có thể nhìn được nội dung của nó, có thể hiểu được nghĩa lý. Vô cùng khó được, trên thế giới này, ngoại trừ Trung Quốc ra thì không tìm thấy ở nơi khác, hết sức quý giá. Bộ này là bản báo cáo tỉ mỉ của Phật Thích Ca sau khi Ngài khai ngộ.

Lục Tổ là báo cáo một cách đơn giản, chúng ta liền biết. “Tam thiên Đại thiên Thế giới Vi Trần Kệ của kinh Hoa Nghiêm”, trong đó nói về cái gì? Chính là nói năm sự việc mà Lục Tổ đã nêu, quy nạp lại là lời của Lục Tổ. Khi triển khai những lời ấy, thì chính là “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh”, không thêm không bớt. Thật vậy, những gì trong kinh Hoa Nghiêm nói là “**Một tức tất cả**, **tất cả tức một**”. Thứ mà Long Cung cất giữ chính là tất cả, còn những gì mà Lục Tổ Huệ Năng đại sư nói chính là một. Có mười hai chữ, mười hai chữ này đã viên mãn rồi; “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh”, chúng ta nhất định phải nhận thức được. Cô đọng của kinh Hoa Nghiêm, chính là năm câu, mười hai chữ này. Năm câu, mười hai chữ này khi triển khai ra chính là “Tam thiên Đại thiên Thế giới Vi Trần Kệ” trong kinh Hoa Nghiêm.

Phật dạy chúng ta học Kinh giáo, là học cái gì? Chính là học khai ngộ, làm sao khai ngộ? Phải học cách buông xả. Buông xả khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, chính là “Khai ngộ”. Khởi tâm động niệm là “Vô minh phiền não”, phân biệt là “Trần sa phiền não”, chấp trước là “Kiến tư phiền não”. Chỉ cần buông bỏ hết ba loại phiền não này, bổn tánh liền phóng quang, bổn tánh liền tự nhiên hiển hiện. Trong bổn tánh đầy đủ vô lượng trí huệ đức năng, tất cả đều là thứ vốn có của chính mình. Đắc Đà La ni, được đại tổng trì pháp môn.

**“Tổng tất cả pháp, trì tất cả nghĩa”,** đó đồng nghĩa nói: “***Biến Pháp giới hư không giới, quá khứ, hiện tại, vị lai***”, không có thứ nào mà bạn không biết. Đây là tự tánh vốn đầy đủ trí huệ, không phải do học được từ bên ngoài. Vì vậy Phật Pháp xưng là “Nội học”, kinh điển xưng là “Nội điển”. Phật Pháp là hướng vào bản thân mà cầu, không phải cầu ở bên ngoài. Hướng ra bên ngoài mà cầu, đó là ngoại đạo. Mặc dù đã biết tường tận rồi, giống như các nhà khoa học hiện nay, họ đã vạch trần được bí mật vũ trụ, vạch trần thế nào vậy? tức là họ có thể nói rõ, nhưng không có được thọ dụng. Họ không có thiên nhãn, không có thiên nhĩ. Họ cũng không có pháp nhãn, không có Phật nhãn. Những thọ dụng này, họ đều không có được. Phật Pháp là dùng nội công, hoàn toàn đi từ Thiền định, nên họ có được thọ dụng, thọ dụng là gì? Nghĩa là trí huệ mở ra, không gì không biết. Khôi phục lại đức năng, không gì không thể; nhà khoa học thì làm không được. Muốn thật sự đạt được “Trí huệ “viên mãn, “Đức năng” viên mãn, vẫn phải là học Đại Thừa. Đại Thừa quả thật, trong khoảng sát na, khoảng thời gian cực ngắn, trong một chữ thôi là nói ra hết thảy pháp môn; hoặc là người nghe kinh do đắc được “Nhĩ căn thanh tịnh”. Trong khoảng thời gian rất ngắn, lúc nghe được một chữ; những ý nghĩa khác, toàn bộ đều hiểu rõ.

Phía sau có nói: “**Hoặc kẻ nói trong chốc lát**”, Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết Pháp, dùng hai thất giảng xong kinh Hoa Nghiêm, hai thất là 14 ngày. Người nói: “**Chỉ trong thời gian ngắn, người nghe lâu dài**”. 41 vị Pháp thân đại sĩ tham dự đạo tràng thuyết Pháp trong định của Thế Tôn, trong thời gian hai thất đã giảng xong bộ kinh Hoa Nghiêm.

“**Hoặc kẻ nói trong rất lâu**, **người nghe thành chốc lát**”, người nói kinh, thuyết trong vô lượng kiếp; mà người nghe kinh chỉ trong khoảng sát na, đã nghe hiểu toàn bộ. Huệ Năng đại sư, nghe Pháp Đạt tụng kinh Pháp Hoa, chỉ nghe được ít phần mà đã hiểu hết. Rồi Ngài nghe Tỳ kheo ni vô tận tạng tụng kinh Niết Bàn, chỉ nghe một đoạn đã thông cả toàn kinh. Đây có nghĩa rằng, thời gian không phải là định pháp.

“**Hoặc kẻ nói dùng thần lực kéo dài hay thâu ngắn tùy nghi**; **căn khí của kẻ nghe lợi**, **độn chẳng phải chỉ một loại**”, đây đều không phải chuyện con người có thể làm được. Đều là Pháp thân Bồ Tát, các ngài có năng lực ấy. A Di Đà Phật ở Thế Giới Cực Lạc, hiển thị loại khả năng này. Người vãng sanh khắp mười phương thế giới, căn tánh khác nhau.

Có người “Hoa khai kiến Phật” bước vào giảng đường của A Di Đà Phật, nghe giảng trong khoảng thời gian ngắn liền thành Phật, do nhĩ căn của người đó lanh lợi. Có một số người trong giảng đường của Phật Di Đà, phải nghe thời gian rất dài mới có thể đại triệt đại ngộ. Căn tánh mỗi người chẳng đồng; vì thế, tôi đã nói rất nhiều lần, bước vào giảng đường lớn của A Di Đà Phật là phàm phu. Cỡ trình độ như chúng ta bước vào đó, lúc bước ra thì sao? Bước ra là thành Phật rồi, vì sao? Vì không thành Phật, bạn sẽ không bao giờ rời khỏi. Bước vào giảng đường là học trò, rời khỏi là thành Phật, tốt nghiệp rồi. Thời gian dài ngắn của mỗi người không nhất định. Quyết định là thành Phật mới rời khỏi, không thành Phật bạn không bao giờ rời khỏi đó. Người của Thế Giới Cực Lạc không cần phải ăn, mặc; không cần dùng đến thực phẩm; không cần ngủ, nghỉ.

Vì thế, họ ở nơi đó nghe Pháp, quả thật là không gián đoạn nên rất nhanh. Dẫu người có căn tánh độn hơn nữa, khi được oai thần bổn nguyện của A Di Đà Phật gia trì, Phật thuyết Pháp, bạn nhất định sẽ hiểu. Bạn muốn nghe cái gì, bạn có thể lý giải được gì, Phật sẽ nói cho bạn nghe cái đó; vừa vặn thích hợp với căn cơ của bạn. Diệu! Đúng là diệu không gì bằng.

Hôm nay thời gian tới rồi, chúng ta học đến chỗ này.

**A Di Đà Phật**.

**NHẤT MÔN THÂM NHẬP-TRƯỜNG KỲ HUÂN TU**

**LÃO THẬT NIỆM PHẬT**

**BUÔNG XẢ VẠN DUYÊN**

**NHẤT TÂM NIỆM PHẬT-CẦU SANH TỊNH ĐỘ**

**THÀNH THẬT- NGHE LỜI – THẬT LÀM**

***XIN THƯỜNG NIỆM***

**A DI ĐÀ PHẬT-A DI ĐÀ PHẬT-A DI ĐÀ PHẬT**

